

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10** /2023/DS - ST

Ngày 23-03-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng
dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đồng Tịnh

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 149/2023/TLST - DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP X** - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8 tòa nhà V, số 72 L, phường B, quận 1, TP. HCM. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Tấn L – chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết Đ – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X – chi nhánh H, địa chỉ: 259-261 N, quận T, TP Đà Nẵng theo giấy ủy quyền số 164/2021/EIB/UQ-TGD ngày 28/9/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP X. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Viết Đ là ông Diệp Mạnh D – chức vụ: giám đốc phòng giao dịch H theo giấy ủy quyền số 283/2021/EIBHV/UQ-GD ngày 29/09/2021. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Trương Anh T** – sinh năm: 1986, địa chỉ: 29/1 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Diệp Mạnh D trình bày:*

Ngày 31/3/2020, Ngân hàng TMCP X và ông Trương Anh T đã ký giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp). Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, E đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa cho ông Trương Anh T, số thẻ VL 127404. Ngày nhận bàn giao thẻ từ bưu điện: 27/04/2020; Lãi suất đang áp dụng: 30.6%; Cách tính lãi : Theo quy định hiện hành của E. Ngày 02/10/2020 ông Trương Anh T đã ký giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng xuống còn 30.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ ông T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo kỳ. Cụ thể từ ngày 21/12/2020 ông T không thanh toán các khoản gốc, lãi đến hạn. Ngày 31/05/2021 Ngân hàng tiến hành khóa thẻ tín dụng nêu trên và ra thông báo thu hồi nợ, yêu cầu ông Trương Anh T thanh toán nợ cho E, nhưng đến nay ông Trương Anh T vẫn không thanh toán nợ. Tính đến ngày 25/01/2023 ông Trương Anh T còn nợ E với tổng số tiền là 31.221.672 đồng, trong đó: Số dư kỳ trước: 20.763.654 đồng; Lãi: 10.458.018 đồng; Thanh toán tối thiểu trong kỳ: 15.724.581 đồng; Hiện tại các khoản nợ của ông T, E chưa bán cho Công ty TNHH M của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu ông Trương Anh T thanh toán cho E toàn bộ số tiền thẻ còn nợ tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 33.714.710 đồng. Trong đó dư nợ gốc: 20.763.654 đồng, lãi là: 12 951 056 đồng

Ông T phải tiếp tục trả tiền lãi tính từ ngày 24/3/2023 cho đến khi ông Trương Anh T thanh toán xong nợ cho E theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

* Bị đơn ông Trương Anh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt do đó không có lời khai của ông Trương Anh T trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X (E) đối với ông Trương Anh T là có cơ sở, yêu cầu về cách tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 280 Bộ luật dân sự; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền

mặt; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X

Buộc ông Trương Anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/3/2023 là 33.714.710 đồng. Trong đó dư nợ gốc: 20.763.654 đồng, lãi là: 12 951 056 đồng và buộc ông T phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 24/3/2023 theo thỏa thuận hai bên cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: *Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* giữa Ngân hàng TMCP X (E) và ông Trương Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 31/3/2020 Ngân hàng TMCP X (E) ký Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với ông Trương Anh T theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp), hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng, E đã phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa cho ông Trương Anh T, số thẻ VL 127404 và bàn giao thẻ ngày 27/4/2020. Ngày 02/10/2020 đã giảm hạn mức tín dụng còn 30.000.000 đồng theo giấy đề nghị thay đổi hạn mức tín dụng/ hạn mức tiền mặt. Quá trình sử dụng thẻ ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo kỳ nên ngày 31/5/2021 Ngân hàng tiến hành khóa thẻ ra thông báo thu hồi nợ, nhưng ông Trương Anh T vẫn không thanh toán nợ.

Tính đến ngày 23/3/2023 ông Trương Anh T còn nợ E với tổng số tiền là 33.714.710 đồng. Trong đó dư nợ gốc: 20.763.654 đồng, lãi là: 12 951 056 đồng

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X với ông Trương Anh T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 21/12/2020 ông Trương Anh T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 31/5/2021, Ngân hàng đã chấm

dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 31/5/2021 là 20.763.654 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ trên theo quy định của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Đoạn 4 Mục IV của Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế và điểm a Mục 2 Điều 9 Bản thỏa thuận sử dụng thẻ quốc tế như đã ký kết. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP X yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Anh T phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên cần được chấp nhận.

[4] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24/3/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 31/3/2020 cho đến khi ông Trương Anh T thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X được chấp nhận nên bị đơn là ông Trương Anh T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông T phải chịu là $(33.714.710 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.685.735 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" của Ngân hàng TMCP X đối với ông Trương Anh T.

Xử:

1. Buộc ông Trương Anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 23/3/2023 là 33.714.710 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm mười đồng). Trong đó dư nợ gốc: 20.763.654 đồng, lãi là: 12.951.056 đồng

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24/3/2023 trên số d□ nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 31/3/2020 cho đến khi ông Trương Anh T thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 1.685.735 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) ông Trương Anh T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X (E) số tiền tạm ứng án phí 627.213 đồng theo biên lai thu số 0006495 ngày 26/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh